

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH CỬU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 6030 /UBND

V/v lấy ý kiến hoàn chỉnh hồ sơ xét,
công nhận xã Phú Lý đạt chuẩn
nông thôn mới nâng cao năm 2019.

Vinh Cửu, ngày 08 tháng 10 năm 2019

Kính gửi:

- UBMTTQ huyện và các đoàn thể huyện
- Phòng Văn hóa - Thông tin;
- Trung tâm Văn hóa – Thông tin và thể thao;
- UBND các xã.

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt nông thôn mới; Địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Trên cơ sở Báo cáo số 92/BC-UBND ngày 29/8/2019 của UBND xã Phú Lý về kết quả thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã Phú Lý. Văn phòng Điều phối đã tham mưu UBND huyện xây dựng dự thảo báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao của xã Phú Lý (đính kèm). Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

1. Đề nghị UBMTTQ huyện chủ trì phối hợp các đoàn thể huyện tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019. Có báo cáo kết quả lấy ý kiến về báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt tiêu chí cho xã Phú Lý gửi Văn phòng điều phối tổng hợp tham mưu UBND huyện.

2. Giao phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì phối hợp Trung tâm VH TT & TT: Căn cứ kết quả thực hiện hồ sơ và mức độ đạt tiêu chí NTM của xã Phú Lý, tổ chức công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh và trang thông tin điện tử của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện.

3. Giao UBND các xã xem xét cho ý kiến bằng văn bản về việc trình xét, công nhận xã Phú Lý đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm 2019.

4. Đề nghị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nêu trên có ý kiến bằng văn bản gửi về UBND huyện (thông qua Văn phòng điều phối XDNTM huyện) trước ngày 11/10/2019.

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP HĐND-UBND huyện;
- LĐ Văn phòng điều phối;
- Lưu VT.

D/NT Trung/NTM

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Minh Phước

UBND HUYỆN VĨNH CỬU
HỘI ĐỒNG THẨM TRA
TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Cửu, ngày 11 tháng 1 năm 2019

Số 01/BC-HĐTTr

(DỰ THẢO)

BÁO CÁO

Thẩm tra hồ sơ và Kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Phú Lý năm 2019.

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn Nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 12/08/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về triển khai thực hiện Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành quy định, điều kiện, trình tự thủ tục hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Bộ tiêu chí Nông thôn mới tỉnh Đồng Nai; Hướng dẫn số 01/BCĐ-VPĐP ngày 01/3/2017 của Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng Nông thôn mới tỉnh, về việc hướng dẫn đánh giá các tiêu chí của Bộ tiêu chí Nông thôn mới tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 23/05/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao nâng cao giai đoạn 2016-2020; Căn cứ văn bản số 83/BCĐ-VPĐP ngày 6/7/2018 của Ban chỉ đạo Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai về việc Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao nâng cao tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 17/01/2019 của Ban Thương vụ Huyện uỷ (khoá X) về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2019;

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã Phú Lý tại Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 30/8/2019 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Phú Lý đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phú Lý. Hội đồng thẩm tra 19 tiêu chí nông thôn mới huyện Vĩnh Cửu báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã Phú Lý năm 2019 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 03/9/2019 đến ngày 20/9/2019):

1. Về hồ sơ:

Trong quá trình thực hiện xây dựng hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao, UBND xã Phú Lý đã lập, hoàn chỉnh hồ sơ đánh giá đối với từng tiêu chí XDNTM trên địa bàn đúng theo yêu cầu.

Hồ sơ đánh giá, thẩm tra kết quả các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao được thể hiện rõ gồm:

- Công văn số 141/UBND ngày 14/6/2019 của UBND xã Phú Lý về việc đăng ký “xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” năm 2019.
- Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 30/8/2019 của UBND xã Phú Lý về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Phú Lý đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019 (bản chính);
- Báo cáo số 92/BC-UBND ngày 29/8/2019 của UBND xã Phú Lý về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phú Lý (bản chính);
- Báo cáo 86/BC-UBND ngày 26/8/2019 của UBND xã Phú Lý về việc tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã Phú Lý (bản chính);
- Biên bản cuộc họp số 12/BB-UBND ngày 30/8/2019 (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) xét, đề nghị công nhận xã Phú Lý đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính);
- Báo cáo số 93/BC-UBND ngày 29/8/2019 của UBND xã Phú Lý về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);
- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

2. Kết quả trên từng tiêu chí

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là 19/19 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch và thực hiện quy hoạch

a. Yêu cầu của tiêu chí

Chỉ tiêu 1.1. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch xây dựng nông thôn mới; thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, công bố quy hoạch.
(Đạt)

Chỉ tiêu 1.2. Không có tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn (hoặc quy hoạch xây dựng nông thôn mới) mà không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm theo quy định. (Đạt)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Tình hình tổ chức triển khai

Sau khi đạt chuẩn nông thôn mới, Đảng ủy, UBND xã đã chỉ đạo tiếp tục thực hiện tốt quy hoạch nông thôn mới trên địa bàn. Kiểm soát chặt chẽ công tác xây dựng công trình, đảm bảo không vi phạm quy hoạch; đồng thời rà soát quy hoạch nông thôn mới để kịp thời phát hiện những bất cập; trình UBND huyện điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế xã hội của xã.

Nội dung thực hiện:

Trong quá trình triển khai thực hiện, để đảm bảo tốt công tác quản lý quy hoạch, UBND xã tăng cường công tác tuyên truyền qua nhiều kênh như: Trên hệ thống loa đài, thông qua sinh hoạt của MTTQ, các đoàn thể, các chi tổ hội ở 9 ấp và các tổ nhân dân các văn bản về quản lý xây dựng, hướng dẫn thủ tục cho người dân có nhu cầu xây dựng nhà ở, công trình xây dựng... Thường xuyên tuần tra, kiểm tra việc xây dựng trên địa bàn để kịp thời phát hiện và ngăn chặn kịp thời các trường hợp vi phạm. Niêm yết công khai quy hoạch tại các điểm dân cư, vận động người dân sử dụng đất đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt.

UBND xã đã tổ chức công bố, công khai quy hoạch gồm Đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới và Quy định quản lý xây dựng theo Quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Các hồ sơ liên quan đến quy hoạch được gửi cho các Ban ấp. UBND xã đã lắp đặt bảng pano công bố, công khai quy hoạch tại vị trí trước trụ sở UBND xã và nhà văn hóa 09 ấp, thời gian công bố từ ngày 04/10/2013. Trong thời gian công bố, công khai quy hoạch nhân dân đều đồng tình hưởng ứng theo nội dung đã quy hoạch.

Khối lượng thực hiện:

Đã tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Tháng 4 năm 2019, UBND xã Phú Lý đã phối hợp cùng đơn vị tư vấn (Trung tâm Quy hoạch Xây dựng Đồng Nai) tổ chức cuộc họp lấy ý kiến cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung Nhiệm vụ của Đồ án quy hoạch chung xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, nhân dân trên địa bàn xã đều đồng tình ủng hộ.

UBND xã thường xuyên kiểm tra việc xây dựng nhà ở và các công trình trên địa bàn, kịp thời hướng dẫn các hộ dân thực hiện theo đúng quy định quản lý về xây dựng theo quy hoạch nông thôn mới xã. Phối hợp với phòng Kinh tế hạ tầng hướng dẫn cấp phép xây dựng cho các hộ dân có nhu cầu xây dựng. Trên địa bàn xã không có tình trạng phân lô bán nền vi phạm quy hoạch xây dựng NTM.

Đã hợp đồng cấm mốc điểm dân cư nông thôn, quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và các công trình công cộng trên địa bàn xã.

Kinh phí thực hiện: 876.864.957 đồng từ nguồn ngân sách của huyện.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí số 01 với 02 chỉ tiêu thành phần.

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chỉ tiêu 2.1. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT (100%)

Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT $\geq 70\%$ ($\geq 70\%$)

Chỉ tiêu 2.3 Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT (≥ 50)

Chỉ tiêu 2.4. Tỷ lệ đường trục xã, liên xã, đường trục thôn xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp” (100%)

Chỉ tiêu 2.5. Tỷ lệ km đường ngõ xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp” ($\geq 70\%$)

Chỉ tiêu 2.6. Tất cả các cấp đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông (Đạt)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình triển khai thực hiện:

Sau khi hoàn thành xây dựng xã nông thôn mới vào cuối năm 2015, xã đã huy động mọi nguồn lực, phát huy hết sức mạnh trong nhân dân, tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhân dân cùng chung tay góp sức thực hiện bê tông hóa các tuyến đường GTNT trên địa bàn xã. Đồng thời, đẩy mạnh phong trào “Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp” trên tất cả các tuyến đường mới xây dựng.

Phát triển hệ thống giao thông: đường giao thông trục ấp, xóm tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn đồng bộ; kết hợp chặt chẽ với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, giữa kinh tế với an ninh quốc phòng. Nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng và việc đi lại của nhân dân; tạo điều kiện thuận lợi lưu thông hàng hóa do nông dân. Tận dụng mạng lưới đường hiện hữu trên cơ sở cải tạo nâng cấp cần thiết để đảm bảo nhiệm vụ vận tải của xã một cách hợp lý.

Đến nay xã đã cơ bản hoàn thành kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn đồng bộ, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội của huyện nói chung và của xã Phú Lý nói riêng phát triển theo hướng bền vững.

Nội dung thực hiện:

Nếu như giai đoạn 2011-2015: xã tỷ lệ đã thực hiện đầu bê tông khoảng 7,1km, với tổng kinh phí 18.426.000.000đ thì trong giai 2016-2019 xã đã thực hiện đầu tư bê tông nhựa và xi măng các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm và đường nội đồng với tổng chiều dài là hơn 32 km, kinh phí thực hiện là 63.816.000.000 đồng. Ngoài ra, UBND tỉnh, huyện đã hỗ trợ cho UBND xã vật tư (cát, đá, xi măng), để thực hiện cứng hoá khoảng 2,5km đường bê tông xi măng các tuyến đường giao thông ngõ, xóm, đường nội đồng; xã vận động được 1000 m³ cát để hỗ trợ kinh phí nhân dân đóng góp xã hội hoá.

Để phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong khu dân cư, nhân dân đã tự vận động các hộ dân đóng góp kinh phí lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường trục ấp, xóm, ngõ chiều dài hơn 34km, với tổng kinh phí khoảng hơn 1 tỷ đồng.

Các tuyến đường ngõ hẻm hầu hết đều có kết nối với tuyến đường trục tỉnh, đường trục huyện, đường trục xã đi các ấp, đã được bê tông xi măng toàn bộ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Khối lượng thực hiện:

Đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT gồm 13 tuyến với tổng chiều dài là 20,6km đã bê tông nhựa và bê tông xi măng hóa 20,6km/20,6km đạt tỷ lệ 100%.

Đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT gồm 16 tuyến với tổng chiều dài 9 km. Trong đó, đã thực hiện nhựa hóa, bê tông hóa được 14 tuyến với chiều dài 7,9 km, đạt tỷ lệ 87,8%. Còn lại 02 tuyến với chiều dài 1,1 km, chiếm tỷ lệ 12,2% được duy trì cứng bằng cấp phối đá đảm bảo sạch sẽ không lầy lội vào mùa mưa.

Đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT gồm 06 tuyến với tổng chiều dài 15,2 km. Trong đó, đã thực hiện bê tông hóa được 04 tuyến với chiều dài 9,4 km, đạt tỷ lệ 62%. Còn lại 02 tuyến với chiều dài 5,8 km, chiếm tỷ lệ 38% được duy trì cứng hóa bằng cấp phối đá đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận lợi.

Trên địa bàn xã có 01 tuyến đường trục xã và 13 tuyến đường trục thôn (ấp) với tổng chiều dài 24,6km được lắp đặt hệ thống chiếu sáng (gồm: 500 trụ cột sắt, 500 bóng đèn), lề đường được trồng thảm cỏ đậu và hoa chuông vàng (khoảng 3000 cây). Đạt tỷ lệ: 100%.

Đã vận động nhân dân tự lắp đặt hệ thống chiếu sáng, trồng cây xanh cho toàn bộ 22 tuyến đường ngõ xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp” với tổng chiều dài 7,9 km/9 km đạt tỷ lệ 87,8%.

Hàng năm Đảng ủy xã, HĐND xã ra Nghị quyết và UBND xã xây dựng kế hoạch cho ban ấp và các chi tổ hội đoàn thể và các tổ an ninh nhân dân quản lý, khai thác sử dụng đảm bảo tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông.

UBND xã, đã tổ chức kiểm tra thường xuyên, phát hiện kịp thời hư hỏng và các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tiến hành xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị UBND huyện xử lý theo quy định.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn giao thông trên các tuyến đường trên địa bàn xã nhằm ngăn chặn xe quá khổ, quá trọng tải lưu thông. Qua đó bảo vệ tốt công trình giao thông đã xây dựng.

Thực hiện quản lý, bảo vệ công trình hạ tầng đường bộ, công an xã, ban nhân dân các ấp tham gia theo dõi, quản lý giao thông đường bộ.

Kết quả: Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông, không có các điểm đen về tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông.

Kinh phí đã thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện: 63.816.000.000 đồng, gồm:

Nguồn ngân sách Tỉnh: 29.656.000.000 đồng, tỷ lệ: 46,47%;

Nguồn ngân sách Huyện: 24.739.000.000 đồng, tỷ lệ: 38,77%;

Nhân dân đóng góp: 9.421.000.000 đồng, tỷ lệ: 14,76%.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí số 02 với 06 chỉ tiêu thành phần

2.3. Tiêu chí 3 về Thủy lợi

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất được tưới để sản xuất nông nghiệp vào mùa khô từ các nguồn (trừ trường hợp thiếu nguồn nước, kể cả nước ngầm) (Năm 2018 $\geq 85\%$)

Chỉ tiêu 3.2. Tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa và duy tu bảo dưỡng thường xuyên (100%)

Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng được sử dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm so với tổng diện tích cây trồng trên cạn trên địa bàn xã (Năm 2018: $\geq 35\%$)

b. Kết quả thực hiện:

Tình hình triển khai thực hiện:

Hàng năm, UBND xã chỉ đạo kiểm tra thường xuyên tình hình nguồn nước từ các con suối, giếng khoan; UBND xã đều phối hợp với các ban ngành đoàn thể của xã vận động nhân dân thực hiện kiểm tra, dọn dẹp, nạo vét nhằm đảm bảo cho nguồn nước sản xuất nông nghiệp, tránh tình trạng ngập úng vào mùa mưa.

Nội dung thực hiện:

Thường xuyên tuyên truyền trong công tác phòng, chống thiên tai bằng các hình thức truyền tải thông tin sau: Hệ thống loa truyền thanh, Văn bản truyền thống và Hệ thống loa di động khi cao điểm đảm bảo truyền đạt những thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đến 100% người dân trên địa bàn xã một cách kịp thời, đầy đủ.

Thường xuyên rà soát, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm đến các công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn xã. Các suối thoát nước trên địa bàn xã được tổ chức nạo vét thường xuyên nhằm đảm bảo tiêu thoát nước.

Vận động nhân dân sử dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm và bón phân qua đường ống áp dụng cho một số loại cây trồng chủ lực. Đảm bảo diện tích cây trồng được tưới trong mùa khô.

Khối lượng thực hiện:

Kết quả giữ vững và nâng cao tiêu chí thủy lợi.

Xã Phú Lý đạt NTM cuối năm 2015 theo Quyết định số 4428/QĐ-UBND của UBND Huyện về tiêu chí thủy lợi và giữ vững từ năm 2015 đến nay, đồng thời thực hiện ngày càng hoàn thiện hơn.

Năm 2018 đã được huyện đầu tư xây 03 đập dâng để phục vụ sản xuất nông nghiệp với tổng kinh phí 6,685 tỷ đồng đến nay xã tiếp tục giữ vững và thực hiện ngày càng hoàn thiện hơn, cụ thể:

Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới chủ động trên địa bàn xã đạt 95,16% (1.933/2031) ha.

Kết quả thực hiện tiêu chí thủy lợi nâng cao.

Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất được tưới để sản xuất nông nghiệp vào mùa khô từ các nguồn (trừ trường hợp thiếu nguồn nước, kể cả nguồn nước ngầm): Đạt 95,16% (1.933/2031) ha.

Chỉ tiêu 3.2. Tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa và duy tu bảo dưỡng thường xuyên: Trên địa bàn không có kênh mương thủy lợi nên được xem như đạt.

Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng được sử dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm so với tổng diện tích cây trồng cạn trên địa bàn xã: 935,3ha/2.337,49 ha đạt 40,01%

Kinh phí đã thực hiện:

Nguồn ngân sách huyện: 6,687 tỷ đồng từ ngân sách Huyện.

Toàn diện tích sử dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm do nhân dân tự đầu tư.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí số 03 với 03 chỉ tiêu thành phần.

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a. Yêu cầu chung của tiêu chí:

Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho khu sản xuất, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tập trung theo quy hoạch. ($\geq 85\%$)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình triển khai thực hiện:

Thường xuyên tổ chức họp dân triển khai chương trình đầu tư lưới điện nông thôn, nhìn chung qua 4 năm, lưới điện trung, hạ thế đã được phủ kín các khu vực trên địa bàn xã, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

Nội dung thực hiện:

Xã có 41 trạm biến áp với tổng công suất 4.365,5 KVA được bố trí ở 9 ấp, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Hệ thống điện lưới quốc gia đã được đầu tư đạt chuẩn quốc gia đến tận 9/9 ấp của xã cho 100% số hộ, nguồn điện được cung cấp từ trạm 110kV Vĩnh An.

Trên địa bàn xã Phú Lý hiện có 43,610 km đường điện trung thế 41,97 km đường dây hạ thế. Toàn bộ hệ thống lưới điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và các quy định hiện hành. Số hộ sử dụng điện lưới quốc gia trên địa bàn xã 2911/2911 hộ (09 ấp), đạt tỷ lệ 100%.

Khối lượng thực hiện:

Hệ thống điện xã Phú Lý đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện theo Quyết định số 34/2006/QĐ-BCN ngày 13/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp: kỹ thuật an toàn thiết bị điện và lắp đặt sử dụng điện.

Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho khu sản xuất, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tập trung chung theo quy hoạch đạt 100%.

Trong giai đoạn 2011-2015, trên địa bàn xã không có tuyến đường đèn thấp sáng nào do nhân dân thực hiện. Đến giai đoạn 2016-2019, hưởng ứng phong trào Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp, xã đã vận động nhân dân và mạnh thường quân đóng góp kinh phí lắp đặt khoảng 34,16km đèn đường, kinh phí thực hiện hơn 1 tỷ đồng. Đặc biệt, các tuyến đèn thấp sáng này đều do nhân dân đóng góp để thực hiện sửa chữa và trả tiền điện hàng tháng.

Kinh phí thực hiện: 1.067.500.000đồng, nguồn kinh phí thực hiện do nhân dân tự đóng góp.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 04.

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS, được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia ($\geq 75\%$)

b. Kết quả thực hiện:

Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

UBND xã đã triển khai cho Ban giám hiệu các trường học và phụ huynh học sinh biết tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất của các trường học. Hàng năm, UBND xã phối hợp cùng các Ban ngành, đoàn thể có liên quan và Ban giám hiệu các trường học khảo sát thống kê cơ sở vật chất của các trường học trên địa bàn xã để kiến nghị UBND Huyện và các phòng ban liên quan có kế hoạch làm mới, nâng cấp, đầu tư trang thiết bị, đáp ứng đầy đủ nhu cầu dạy và học.

Nội dung thực hiện:

Trên địa bàn xã có 04 trường học gồm trường THCS Huỳnh Văn Nghệ, trường tiểu học Bàu Phụng, trường tiểu học Phú Lý và trường Mầm non Phú Lý (trường MN có 01 phân hiệu nằm trên địa bàn ấp Cây Cày xã Phú Lý). Giai đoạn 2016-2019, có 3/4 trường đạt chuẩn quốc mức độ 1, đạt tỷ lệ 75%, (thời điểm đạt chuẩn NTM: 0%). Bên cạnh đó, kinh phí chi cho giai đoạn 2016-2019 là 21.329.000.000 đồng, tăng 3,8 lần so với thời điểm đạt chuẩn NTM (5.610.000.000đồng).

Trường Mầm non có diện tích 9.733m²/463 học sinh, tỷ lệ bình quân 18,2 m²/học sinh, trường có 21 phòng học; diện tích sân chơi bãi tập là 61,5m². Thực hiện tu sửa trường tại điểm chính với kinh phí khoảng 1.600.000.000 đồng và trường vận động đóng góp được hơn 120.000.000 đồng để xây dựng mới Nhà vệ sinh, sơn sửa lại phân hiệu tại ấp Cây Cày.... Trường được công nhận trường đạt chuẩn cấp Quốc gia theo quyết định số10/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Trường tiểu học Phú Lý có tổng diện tích 8.965m²/659 học sinh, tỷ lệ bình quân 13,6m²/học sinh; trường có 22 phòng học, 01 phòng đa chức năng, trường có diện tích sân chơi bãi tập là 100m² khuôn viên 2.100m². Trường được công nhận trường đạt chuẩn cấp Quốc gia theo quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Trường tiểu học Bà Phụng có tổng diện tích 8.651m²/628 học sinh, tỷ lệ bình quân 13,8m²/học sinh; trường có 14 phòng học, trường hiện nay đang được huyện đầu tư xây dựng mới với tổng kinh phí hơn 19.000.000.000 đồng nên tạm thời chưa có sân chơi bãi tập. Ngoài ra, trường vận động đóng góp sửa chữa hàng rào, đổ thêm đất sân trường, khu đa năng... với kinh phí khoảng 362.000.000 đồng. Trường được công nhận trường đạt chuẩn cấp Quốc gia theo quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 02/08/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Trường THCS có diện tích 28.450,7m²/185 học sinh, tỷ lệ bình quân 24,65 m²/học sinh, trường có 21 phòng học và 05 phòng bộ môn; Trường đã vận động hội cha mẹ học sinh đóng góp kinh phí làm mái che để học sinh có sân chơi sinh hoạt dưới cờ với tổng diện tích 604m² số tiền 247.000.000 đồng. Hiện nay, Trường đang trong giai đoạn hoàn thiện để được công nhận đạt chuẩn cấp Quốc gia mức độ 1.

Khối lượng thực hiện:

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS được công nhận đạt chuẩn quốc gia

Kinh phí thực hiện: 21.329.000.000 đồng

+ Ngân sách Huyện: 20.600.000.000 đồng, tỷ lệ: 96,58%

+ Nhân dân đóng góp: 729.000.000 đồng, tỷ lệ: 3,42%

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 05.

2.6. Tiêu chí 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Trung tâm Văn hóa - Thể thao học tập cộng đồng xã, Nhà văn hóa áp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả (100%).

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL tổng diện tích là 9.194m² trong đó diện tích xây dựng là 500m². Hội trường chứa được trên 200 chỗ ngồi, có 05 phòng chức năng và sân thể thao đáp ứng nhu cầu tập luyện thể thao

của nhân dân trên địa bàn. Bên cạnh đó, xã còn có 01 sân bóng đá diện tích: 12.843 mét vuông, sân có mái che sức chứa: 500 chỗ ngồi.

Về kinh phí hoạt động: có nguồn kinh phí hoạt động từ ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ổn định hàng năm về thù lao cho cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách về việc duy tu sửa chữa trang thiết bị của nhà văn hóa.

Hàng năm trên hệ thống Đài truyền thanh đều tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của các cấp với tổng số cuộc là 12 cuộc/ năm tuyên truyền theo chủ đề. Mỗi năm đều tổ chức và phối hợp tổ chức liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng với tổng số buổi là 4 buổi/năm. Thu hút trên 30% nhân dân trên địa bàn xã hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa.

Trung tâm thường xuyên tổ chức các giải thể dục thể thao vào các dịp lễ lớn của dân tộc cũng như vào dịp tết nguyên đán với 6 giải thể thao/ năm. Từ đó thu hút khoảng 32%/ tổng dân số tính cả các đơn vị trường học trên địa bàn tham gia tập luyện TDTT. Ngoài ra, Trung tâm luôn có những chỉ đạo hướng dẫn Nhà văn hóa, khu thể thao áp để hoạt động có hiệu quả.

Nội dung thực hiện:

Năm 2019 xã đã thành lập Câu lạc bộ tập gym với 250 thành viên, đồng thời xã cũng hợp tác đầu tư phòng tập có diện tích 200m² có đầy trang thiết bị để tập luyện với tổng trị giá hơn 900 triệu đồng.

Hiện trên địa bàn xã có 08 CLB, nhóm văn nghệ đó là: CLB đờn ca tài tử, đội công chiêng và đội bắn nỏ của ấp LL1; ấp 1 có CLB xóm xanh; ấp 2 có CLB chú Voi con tinh nghịch; ấp 4 có CLB Bằng Lăng tím; Ấp Cây cày có CLB Kết Nối Xanh; Người cao tuổi có CLB Dân ca Mai Vàng; Nhóm “sống vui - sống khỏe” luôn hoạt động tốt; hàng năm xã luôn tổ chức lễ cúng thần lúa (Sayangva) nhằm phục hồi và giữ gìn bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc Ch'ro.

Khối lượng thực hiện:

Ở giai đoạn 2011-2015, TTVH-HTCĐ xã và Nhà văn hoá các ấp chỉ ở mức phục vụ cho công tác sinh hoạt hội họp, đến nay UBND xã đã vận động nhân dân và DN đóng góp kinh phí để trang bị bàn ghế, âm thanh, dụng cụ thể thao đơn gian và ngoài trời... với kinh phí 3.231.000.000 đồng.

Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa và khu thể thao đạt quy định của Bộ VH-TT-DL: Xã có 9/9 ấp văn hóa, có 9/9 nhà văn hóa được xây dựng đạt chuẩn NTM đạt 100%. Mỗi nhà văn hóa ấp đều có sân tập thể thao đơn giản phù hợp với nhu cầu người dân. Các nhà văn hóa ấp đều có sức chứa trên 100 chỗ ngồi với sân khấu trong hội trường là 20m², sân tập thể thao là trên 250m² có đủ các công trình phụ trợ và có bộ trang trí khánh tiết, bộ âm thanh, bàn ghế, tủ sách, tranh ảnh tuyên truyền phục vụ thiếu nhi có một số dụng cụ thể thao truyền thống phù hợp với phong trào thể thao

quần chúng ở địa phương. Đã thu hút được đông đảo nhân dân tham gia tập luyện, biểu diễn văn nghệ tại ấp là trên 50% tổng số dân, hoạt động thể thao thường xuyên là 32% tổng số dân và hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em là 30% thời gian hoạt động.

Nhìn chung, từ khi đạt chuẩn NTM vào cuối năm 2015 đến nay cơ sở vật chất văn hóa được đầu tư và duy trì hoạt động đều đặn hàng năm. Nhà văn hóa xã, ấp đều có kế hoạch hoạt động, thu hút được các hoạt động thể thao như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, võ thuật, câu lạc bộ tập Gym,.... kết quả hoạt động đã mang lại hiệu quả thiết thực.

Kinh phí thực hiện: 1.206.000.000 đồng. Trong đó:

Ngân sách xã: 106.000.000 đồng, tỷ lệ 8,79%

Ngân sách huyện: 1.100.000.000 đồng, tỷ lệ: 91,21%

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 06.

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chợ đạt chuẩn chợ văn hóa theo chuẩn của tỉnh và không có tụ điểm kinh doanh tự phát trên địa bàn. (Đạt).

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Chợ Phú Lý được hình thành từ năm 1987, có diện tích 4.355m², năm 2013, chợ được dự án Lisap đầu tư xây dựng khu bán thực phẩm tươi sống với 24 quầy, hệ thống thoát nước, khu vệ sinh, kinh phí thực hiện hơn 1 tỉ đồng và hỗ trợ xây dựng khu giết mổ tập trung kinh phí 6.600 USD. Giai đoạn 2011-2015, Chợ Phú Lý vẫn chưa được đầu tư nâng cấp nên có nguy cơ xảy ra cháy nổ, đồng thời không đáp ứng được nhu cầu kinh doanh, buôn bán của người dân. Trước tình hình đó, UBND xã đã tổ chức họp lấy ý kiến nhân dân về việc đầu tư nâng cấp và thực hiện xin chủ trương xây dựng của UBND Huyện cũng như các thủ tục khác để thực hiện đầu tư nâng cấp.

Nội dung đã thực hiện:

Năm 2017, 2018 UBND xã đã triển khai xây dựng 02 khu nhà lồng để bố trí các mặt hàng may mặc, rau củ quả tại chợ với hình thức Tỉnh, Huyện hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà lồng chính và nhân dân đóng góp kinh phí thực hiện xây dựng kiot.

Để Chợ đi vào hoạt động ổn định, đồng thời thực hiện sắp xếp các ngành hàng trong chợ và đảm bảo an ninh trật tự tại Chợ. UBND xã đã kiến nghị UBND Huyện ban hành Quyết định công nhận Ban quản lý chợ và Nội quy Chợ Phú Lý nhằm đảm bảo Chợ Phú Lý hoạt động đảm bảo An toàn – văn minh – hiệu quả , đồng thời nghiêm cấm các nội dung tiêu thương không được thực hiện như: cấm việc kinh doanh hàng hoá không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không mua bán tàng trữ, vận chuyển vật liệu, dụng cụ dễ cháy nổ trong phạm vi chợ...

Tháng 6 năm 2019, UBND xã đã thực hiện các thủ tục đề nghị Sở TNMT thực hiện cấp GCN QSDĐ đối với Chợ Phú Lý.

Khối lượng thực hiện:

Chợ Phú Lý được đầu tư nâng cấp giai đoạn 1 gồm khu nhà lồng chính với diện tích là 1.648m² nằm trên khu đất có diện tích 4.355m² để bố trí 40 kiôt kinh doanh may mặc, và các mặt hàng khác. Năm 2018, UBND xã tiếp tục đầu tư khu nhà lồng giai đoạn 2 với diện tích khoảng 560m² để bố trí 55 sạp kinh doanh các mặt hàng rau củ quả và mặt hàng tươi sống. Đồng thời, xã cũng thực hiện trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống loa, âm thanh theo quy định. Hiện nay chợ đã đáp ứng tốt việc kinh doanh của các tiểu thương tại chợ và nhân dân địa phương.

Ban quản lý Chợ Phú Lý được UBND huyện công nhận tại Quyết định số 4459/QĐ-UBND ngày 08/8/2018; Quyết định công nhận chợ văn hóa và không có tụ điểm kinh doanh tự phát trên địa bàn theo Quyết định số 3367/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của UBND Huyện Vĩnh Cửu. Diện tích của chợ đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 410622, CR 410623, CR 410624, CR 410625, CR 410626, CQ 923350 DO Sở TNMT cấp ngày 29 tháng 5 năm 2019.

Kinh phí đã thực hiện: 3.721.000.000 đồng. Trong đó:

Ngân sách Tỉnh: 1.806.000.000 đồng

Ngân sách Huyện: 415.000.000 đồng

Nhân dân đóng góp: 1.500.000.000 đồng

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 07.

2.8. Tiêu chí 8 về Thông tin và Truyền thông

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chỉ tiêu 8.1. Đảm bảo cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (Đạt)

Chỉ tiêu 8.2. Có hoạt động cung cấp thông tin khoa học công nghệ thông qua trang thông tin điện tử của địa phương đạt kết quả (Đạt)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Xã có điểm phục vụ Bưu chính viễn thông: Bưu điện xã.

Mạng lưới truyền thanh của xã phủ sóng hầu hết địa bàn xã với 1 trạm tiếp sóng và các cụm loa phát thanh thường xuyên, hàng ngày theo lịch tiếp âm của Huyện.

Để người dân biết được các thông tin trên địa bàn xã, đồng thời cung cấp các thông tin KHCN, UBND xã đã thực hiện đăng tải các thông tin trên trang thông tin điện tử của địa phương. Bên cạnh đó, nhằm nâng tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, UBND xã cũng thực hiện thông tin và tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của địa phương, trên hệ thống loa truyền thanh xã, đồng thời thực hiện lồng ghép trong các buổi hội, họp, sinh hoạt của các ấp, các tổ chức chính trị - xã hội của địa phương.

Nội dung đã thực hiện:

Xã có Quyết định thành lập Ban biên tập trang thông tin điện tử và có Quy chế hoạt động của website; Điểm thông tin Khoa học & công nghệ có cán bộ quản lý được tập huấn nghiệp vụ về kỹ năng quản lý và cung cấp thông tin khoa học trên website. Hàng tuần, hàng tháng có cập nhật đầy đủ thông tin về hoạt động của địa phương về kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội, bình quân mỗi năm có 170 -180 tin bài được đưa lên website của xã với gần 3.500 lượt người truy cập. website xã đã cập nhật thông tin giới thiệu tổng quan về địa lý, kinh tế, văn hóa, con người Phú Lý, thông tin về hệ thống tổ chức chính trị và định hướng phát triển của địa phương; thông tin về ứng dụng khoa học & công nghệ trên đài phát thanh xã.

Xã có tổ chức phòng tiếp dân rộng 40m², trang bị máy vi tính có đầu nối mạng Internet để quản lý điều hành.

Tại UBND xã có điểm Thông tin KHCN đạt chuẩn.

Khối lượng thực hiện:

UBND xã đã đáp ứng được tất cả dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4:

+ Ở xã cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 cho phép người sử dụng tải về các biểu mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi qua đường bưu điện hoặc mang trực tiếp đến cơ quan. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 đã cung cấp: Tất cả thủ tục hành chính

đều được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, trong 7 tháng đầu năm đã có 619 thủ tục hành chính được cung cấp thuộc lĩnh vực đất đai, Tư pháp, Nhân hộ khẩu, Bảo trợ xã hội, Người có công...

+ Dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3: Người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản gửi đến cơ quan, trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trực tiếp trên mạng, người sử dụng trực tiếp theo dõi và biết được hồ sơ của mình (Khai sinh 3 trong 1, xác nhận tình trạng hôn nhân,...). Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đã cung cấp: 06 thủ tục hành chính thuộc Lĩnh vực Tư pháp.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 08 với 02 chỉ tiêu thành phần.

2.9. Tiêu chí 9 về Nhà ở dân cư

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng ($\geq 99\%$)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Nhờ đẩy mạnh sản xuất, nâng cao thu nhập, nên đại bộ phận cư dân trong xã có điều kiện tự chỉnh trang nhà ở, trong giai đoạn 2016-2019, nhân dân đã thực hiện xây dựng mới, sửa chữa hơn 200 căn nhà và hàng rào. Đồng thời, qua tuyên truyền vận động đã huy động các doanh nghiệp, các tổ chức tôn giáo và các tổ chức xã hội xây dựng mới 85 căn nhà tình thương cho hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số có khó khăn về nhà ở và sửa chữa 65 căn nhà cho gia đình chính sách với tổng kinh phí thực hiện 4,520 tỷ đồng.

Khối lượng thực hiện: Toàn xã có 2.911/2.911 hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ xây dựng, đạt tỷ lệ 100% xã không còn tình trạng nhà dột nát trên địa bàn xã.

Kinh phí thực hiện: 24.520.000.000 đồng, trong đó:

Ngân sách Tỉnh: 270.000.000 đồng

Nhân dân và mạnh thường quân đóng góp: 24.250.000.000 đồng

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 09.

2.10. Tiêu chí 10 về Thu nhập và phát triển sản xuất

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chỉ tiêu 10.1. Thu nhập bình quân đầu người/năm. (Năm 2017: ≥ 57 triệu)

Chỉ tiêu 10.2. Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (theo giá thực tế). (2017: ≥ 130 triệu)

Chỉ tiêu 10.3. Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp ($>80\%$).

Chỉ tiêu 10.4. Xã có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ (Đạt)

Chỉ tiêu 10.5. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Đạt)

Chỉ tiêu 10.6. Xã có ít nhất một nhãn hiệu được chứng nhận

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình triển khai thực hiện:

Căn cứ quyết định số 4283/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp xã Phú Lý đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 nằm trong quy hoạch phát triển nông nghiệp chung của Huyện Vĩnh Cửu. Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết về chuyển đổi cây trồng có giá trị kinh tế cao, nghị quyết về phát triển kinh tế du lịch xã Phú Lý đến năm 2025 tầm nhìn đến 2030, hàng năm UBND xã xây dựng kế hoạch thực hiện và hướng dẫn nông dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khuyến khích đầu tư mở rộng cơ sở sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác. Các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế xã hội đã được triển khai tại địa phương chủ yếu gồm: Dự án phát triển cây con chủ lực; chương trình hỗ trợ phòng chống dịch bệnh vật nuôi, chương trình giảm nghèo, chương trình đào tạo nghề nông thôn, chương trình hỗ trợ vay vốn, chương trình chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật...

Nội dung thực hiện:

***Về phát triển sản xuất nông nghiệp:**

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, đạt mức tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng sản xuất nông nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt doanh thu 1 tỉ/ha/năm cho các cây Quýt, bưởi, ... tăng khoảng 4,5%/năm.

+ Về trồng trọt: Với 2.491,1 ha diện tích đất nông nghiệp, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo ra sản phẩm hàng hóa phát triển bền vững, Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết về chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tập trung phát triển cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế cao, đến nay đã thực hiện chuyển đổi được 44,7 ha trồng xoài 3 mùa, cây mì...sang trồng cây có múi. Đẩy mạnh công tác khuyến nông với

nhiều mô hình sản xuất hiệu quả cao, tác động tích cực đến sản xuất như: mô hình tưới nước tiết kiệm và bón phân qua đường ống đối với cây xoài, cây có múi đạt tỷ lệ 100%, mô hình sử dụng chế phẩm sinh học trong trồng trọt, xử lý phân hữu cơ để bón cho các loại cây trồng (HTX Bình Minh, 44,7ha); áp dụng sản xuất theo hướng GAP cho trái xoài và trái quýt đường (02 HTX nông nghiệp, 115,7 ha); thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp có tiến bộ rõ rệt, nhất là khâu làm đất cho các loại cây trồng như xoài, bưởi đạt tỷ lệ 100%... nên hiệu quả sản xuất trên ha đất đã được nâng cao rõ rệt, giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha diện tích trồng trọt đạt lãi từ 700 - 800 triệu/năm đối với cây quýt đường, bưởi da xanh, ... Đáng chú ý, sản xuất nông nghiệp đã quan tâm đến lợi ích của người tiêu dùng và bảo vệ môi trường.

+ Về chăn nuôi, trên địa bàn xã đã quy hoạch khu chăn nuôi tập trung với trên 120 ha, trong đó, Công ty chăn nuôi AnCo đã đầu tư 62 ha với trên 60.000/năm con heo, còn lại hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ, số lượng không đáng kể. Tuy nhiên, các hộ gia đình chăn nuôi đã thực hiện tốt công tác phòng chống bệnh trên gia súc, gia cầm nhất là thường xuyên kiểm tra, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật đảm bảo an toàn về chất lượng cho người tiêu dùng trên địa bàn xã.

+ Về lĩnh vực lâm nghiệp: xã Phú Lý có hơn 82% trong tổng 27.547,37 ha là rừng đặc dụng do Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai trực tiếp quản lý. Trong các năm qua, xã luôn phối hợp với các đơn vị chủ rừng về tham gia quản lý bảo vệ, không để xảy ra vi phạm có tính chất nghiêm trọng, phức tạp. Hoạt động khai thác, mua bán, vận chuyển, chế biến lâm sản, gây nuôi động vật hoang dã được quản lý ngày càng chặt chẽ, từng bước đi vào nề nếp. Công tác trồng rừng được thực hiện khá tốt, bình quân hàng năm trồng mới 125 ha, tỷ lệ che phủ cây xanh đạt trên 57% trên đất ở và sản xuất.

- Về phát triển công nghiệp và hoạt động thương mại, dịch vụ nông thôn:

+ Lĩnh vực công nghiệp nông thôn: Trên địa bàn xã hiện có 01 công ty chuyên sản xuất giày da đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho 450 lao động; 156 cơ sở cơ khí sửa chữa xe máy nông nghiệp và sản xuất đồ mộc gia dụng; có khoảng 450 đầu xe trong đó có 30 xe chuyên chở hành khách, còn lại vận chuyển hàng hóa, nông lâm sản phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; đồng thời giới thiệu việc làm cho gần 1.200 người lao động tại các công ty trong tỉnh Đồng Nai. Qua đó tạo việc làm và thu nhập ổn định cho lao động nông thôn.

+ Lĩnh vực thương mại, dịch vụ: hoạt động thương mại và dịch vụ có bước phát triển đáng kể: trong đó, hệ thống bán lẻ phát triển mạnh với 476 hộ kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn gia súc, cây giống, kim khí điện máy, hàng nhu yếu phẩm phục vụ người dân địa phương; đã xây dựng mới chợ nông thôn đạt tiêu chuẩn chợ văn hóa với tổng giá trị 3,762 tỉ đồng. Trong đó ngân sách tỉnh 1,800 tỉ đồng, huyện 0,415 tỉ đồng và nhân dân

đóng góp 1,547 tỉ đồng, hiện đang hoạt hiệu quả trong việc đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

+ Cơ giới hóa nông nghiệp:

Cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp được quan tâm, từng bước đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, giải phóng sức lao động cho nông dân, chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang công nghiệp và các ngành nghề thương mại dịch vụ. Các loại máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp được áp dụng phổ biến trên địa bàn xã như máy kéo, máy cày xới, máy khoan lỗ trồng cây, máy bơm nước tưới phân, bình phun thuốc có động cơ, hệ thống tưới nước tự động... Việc ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đã góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Qua đó, giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt bình quân 150,5 triệu đồng/ha/năm. (HTX Bình Minh thu hoạch quýt đường có lõi (sau khi trừ chi phí) 700 – 800 triệu đồng/ha mỗi năm)

Với những lĩnh vực gắn kết các hình thức tổ chức sản xuất trên đây cùng với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị ở xã đã tạo chuyển biến tích cực trong cơ cấu kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập dân cư và đóng góp nhất định cho sự phát triển kinh tế nông thôn của huyện Vĩnh Cửu nói chung.

Khối lượng thực hiện:

+ Chỉ tiêu 10.1: Năm 2018 Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 61,150 triệu/người/năm.

+ Chỉ tiêu 10.2: Năm 2018 giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha trồng trọt đạt 150,5 triệu đồng

+ Chỉ tiêu 10.3: Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp đối với sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương (đạt >80%).

*** Trong trồng trọt:**

Theo số liệu thống kê, tổng diện tích cây trồng chủ lực trên địa bàn xã là 1.204 ha (trong đó, diện tích cây Xoài là 1.161 ha, diện tích cây Quýt đường là 43ha). Trong quá trình sản xuất, người nông dân trên địa bàn đã thực hiện cơ giới hóa đối với các khâu làm đất, khâu chăm sóc, khâu tưới chủ động. Tổng số khâu có thể áp dụng 03 khâu, tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong trồng trọt đạt 94,85%. Trong đó:

* **Khâu làm đất:** trong quá trình thực hiện, sử dụng các loại máy có năng suất, hiệu quả.

- Cây Xoài: thực hiện 1.161 ha/1.161 ha; đạt tỷ lệ 100% tổng diện tích.

- Cây Quýt đường: thực hiện 43 ha/43 ha; đạt tỷ lệ 100% tổng diện tích.

* **Khâu chăm sóc:** sử dụng các loại máy phun thuốc bảo vệ thực vật có chất lượng.

- Cây Xoài: thực hiện 1.161 ha/1.161 ha; đạt tỷ lệ 100% tổng diện tích.
- Cây Quýt đường: thực hiện 43 ha/43 ha; đạt tỷ lệ 100% tổng diện tích.

* **Khâu tưới chủ động:** sử dụng các loại hệ thống tưới tiết kiệm (tưới nhỏ giọt, phun mưa), bón phân qua đường ống...

- Cây Xoài: thực hiện 975,2 ha/1.161 ha; đạt tỷ lệ 84% tổng diện tích.
- Cây Quýt đường: thực hiện 43 ha/43 ha; đạt tỷ lệ 100% tổng diện tích.

***Trong chăn nuôi:**

Trên toàn xã tổng số cơ sở chăn nuôi Heo có quy mô >30 con là: 25 cơ sở. Các cơ sở chăn nuôi heo trên địa bàn thực hiện cơ giới hóa trong quá trình chăn nuôi chủ yếu thực hiện trong khâu chuồng trại (xử lý chất thải, nước uống tự động, hệ thống cung cấp thức ăn).

- Số cơ sở chăn nuôi áp dụng cơ giới hóa trong khâu chuồng trại là 23 cơ sở, đạt 92% (trong đó, các cơ sở xử lý chất thải chăn nuôi bằng hầm Biogas – hệ thống khí sinh học – là 25 cơ sở, đạt 100% tỷ lệ cơ sở chăn nuôi).

+ Chỉ tiêu 10.4: Xã có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ (đạt)

Trên địa bàn xã có 01 mô hình trồng quýt theo hướng VietGAP, diện tích 40 ha (gồm 14 hộ). Địa điểm: ấp Lý Lịch 2, xã Phú Lý, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.

Hiệu quả kinh tế: sản lượng dự kiến 1.040 tấn/năm/40ha

Bảng chiết tính hiệu quả kinh tế:

ĐVT: 1ha

Các yếu tố áp dụng	Mô hình	Ngoài mô hình	Chênh lệch
Giống (Cây/ha)	625	823	-207
Phân bón (kg/ha)			
+ Phân chuồng (Phân vi sinh) (kg/ha)	5.000	3000	2000
+ Phân đạm (kg/ha)	500	600	-100
+ Phân lân (kg/ha)	500	600	-100
+ Phân kali (kg/ha)	500	600	-100
Thuốc BVTV			
+ Thuốc sâu (lít/ha)	40	50	-10
+ Thuốc bệnh (lít/ha)	40	50	-10
Năng suất (tấn/ha)	26	26	00
Giá (đ/kg)	22.000	15.000	7.000
Thu nhập (đ/ha)	572.000.000	390.000.000	182.000.000

Qua bảng chiết tính cho thấy hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất quýt theo hướng hữu cơ, có cam kết sản xuất an toàn theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT cao hơn so với mô hình là 32%.

+ Chỉ tiêu 10.5: Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đạt).

* Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông sản chủ lực được sản xuất an toàn theo thông tư 17 đạt 130,31% (yêu cầu chỉ tiêu $\geq 50\%$). Số hộ nông dân tham gia tập huấn an toàn 315 hộ. Số hộ thực hiện cam kết sản xuất an toàn, có biên bản kiểm tra, có sổ nhật ký ghi chép 315 hộ.

* Tỷ lệ nông dân trực tiếp sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp được đào tạo nghề nông nghiệp là 836/1.576 người, chiếm tỷ lệ 52,4%.

* Các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã theo quy định có xử lý chất thải bằng hầm Biogas hoặc công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch 72/72 hộ đạt 100%.

+ Chỉ tiêu 10.6: sản phẩm Xoài của xã Phú Lý đã được chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa: đạt.

* Xã Phú Lý có 01 hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ - Thương mại xoài

* Sản phẩm: Xoài Phú Lý

* Cấp theo Quyết định số 42810/QĐ-SHTT ngày 20/8/2018 về việc chấp nhận đơn hợp lệ của Bộ KH&CN Cục Sở hữu trí tuệ. Đồng thời Sở KH&CN tỉnh Đồng Nai đã có văn bản số 1546/SKH&CN-QCN ngày 8/10/2018 về việc công nhận xã Tân Bình, Bình Hoà, Phú Lý, Phú Lý của huyện Vĩnh Cửu đạt tiêu chí 10.6 trong Bộ tiêu chí Nông thôn mới nâng cao.

Kinh phí thực hiện: 21.700.000 đồng do nhân dân đóng góp.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 10 với 06 chỉ tiêu thành phần.

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 theo chuẩn của tỉnh (<1%)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình triển khai thực hiện

Đảng ủy, UBND xã đã lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội. Đồng thời, tranh thủ sự hợp tác hỗ trợ của các phòng chức năng

chuyên môn của huyện để giúp đỡ các nông dân thực hiện tốt chương trình giảm nghèo

UBND xã đã kiện toàn Ban giảm nghèo, cán bộ giảm nghèo và được tập huấn về điều tra rà soát hộ nghèo do Ban chỉ đạo giảm nghèo huyện tổ chức.

Hàng năm, UBND xã tổ chức các chương trình hỗ trợ cho nhân dân, đặc biệt là các hộ khó khăn để thoát nghèo và không bị tái nghèo theo chỉ đạo của UBND huyện.

Nội dung đã thực hiện:

+ Đã cấp 10.304 thẻ BHYT cho người thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và hộ có hoàn cảnh khó khăn, với tổng số tiền hỗ trợ là 6.965.000 đồng.

+ Hỗ trợ bò giống, dê giống cho 148 hộ với tổng trị giá 1.404.600.000 đồng.

+ Xây mới và sửa chữa nhà tình thương cho 85 hộ với tổng trị giá 3,475 tỷ đồng.

Ngoài ra vào dịp lễ tết từ năm 2016 đến 2018, UBND xã tổ chức vận động cấp phát quà tết cho 9.427 lượt hộ nghèo, cận nghèo, các gia đình khó khăn, nạn nhân chất độc da cam... trị giá 2.690.218.000 đồng.

Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo từ cuối năm 2015 đến tháng 6/2018 tổng trị giá 285.606.000 đồng.

Khối lượng thực hiện:

Qua việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện các dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, xã đã phấn đấu đạt từ 16,8% năm 2015 xuống còn 0,38% vào cuối năm 2018 (11 hộ nghèo A), thấp hơn so với mục tiêu của chương trình.

Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí đầu tư cho chương trình 14.820.424.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 6.965.000.000 đồng;

+ Ngân sách huyện: 1.690.206.000 đồng;

+ Kinh phí từ công tác vận động: 6.165.218.000 đồng.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 11.

2.12. Tiêu chí 12 về Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chỉ tiêu 12.1. Tỷ lệ người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động ($\geq 95\%$).

Chỉ tiêu 12.2. Tỷ lệ lao động có việc làm trên địa bàn xã được đào tạo trên tổng số lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn xã ($\geq 65\%$).

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình triển khai thực hiện:

Sau khi xã Phú Lý đạt chuẩn NTM cuối năm 2015, xác định mục tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, làm cho bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới, xã đã tập trung chỉ đạo xây dựng các mô hình kinh tế tập thể, chuyển dịch cơ cấu cây trồng kết hợp áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng phương thức mới, giống mới để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả. Do đó, hàng năm, nhằm trang bị cho người dân những kiến thức về lĩnh vực nông nghiệp và lĩnh vực phi nông nghiệp, UBND xã đã phối hợp với Trung tâm dạy nghề, Phòng LĐTBXH huyện, phòng NN&PTNT huyện mở các lớp đào tạo ngắn hạn cho người dân.

Hàng năm UBND xã triển khai điều tra, rà soát biến động cung cầu lao động trên địa bàn xã, lập danh sách người trong độ tuổi lao động có mặt tại địa phương, số lao động chưa có việc làm thường xuyên, chưa qua đào tạo để có kế hoạch đào tạo, giới thiệu việc làm cho người lao động. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, vận động lao động chưa qua đào tạo đăng ký học nghề. Từ đó, trình độ kỹ thuật của người dân không ngừng tăng lên, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Nội dung đã thực hiện:

Từ năm 2015 đến nay đã tổ chức chiêu sinh và dạy nghề cho 296 lao động nông thôn trong đó có 131 người học nghề phi nông và 165 người học nghề nông nghiệp. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của xã từ 46% năm 2015 tăng lên 65,23% năm 2018.

Ngoài việc phối hợp với các Phòng ban của Huyện để thực hiện đào tạo nghề cho người dân, UBND xã Phú Lý còn phối hợp với các công ty đóng trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền, giới thiệu việc làm cho người dân trên địa bàn, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người dân, từ năm 2016 đến nay đã giới thiệu việc làm cho hơn 1.200 lao động tham gia các công ty lớn trong tỉnh, hàng ngày có 7 xe (từ 30-52 chỗ) đưa đón công nhân xã Phú Lý vào làm việc tại các công ty ở Trảng Bom như công ty Pousung (KCN Bàu Xéo), công ty Nam Yang, công ty Việt Vinh (KCN Sông Mây). Đây có thể coi là tính chất đột phá nhằm giải quyết

vấn lao động và thu nhập ở thôn, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả của Chương trình xây dựng NTM.

Khối lượng thực hiện:

+ Chỉ tiêu 12.1: Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động (đạt $\geq 95\%$).

UBND xã đã ban hành kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 05/12/2018 về điều tra cung cầu lao động trên địa bàn xã năm 2018 và đã tổ chức điều tra 2.911 hộ dân trên địa bàn xã tính đến thời điểm 31/12/2018. Sau khi điều tra, rà soát, kết quả như sau:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số người có việc làm trong độ tuổi lao động so với tổng dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động. Trong đó:

- Tổng số nhân khẩu của xã: 10.898 người
- Số người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động: 7792 người.
- Số người có việc làm trong độ tuổi lao động: 7439 người
- Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động: $7.792/7.739*100\% = 95,47\%$

+ Chỉ tiêu 12.2: Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo (đạt $> 65\%$).

- Trong số người từ đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đang có việc làm trên địa bàn xã, đã được cấp văn bằng, chứng chỉ. Đối với người được cấp nhiều văn bằng, chứng chỉ ở các trình độ khác nhau thì chỉ thống kê theo một văn bằng, chứng chỉ ở trình độ cao nhất. Trong đó:

+ Tổng số người từ đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đang có việc làm trên địa bàn xã: 3.722 người.

+ Tổng số người từ đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đang có việc làm trên địa bàn xã và đã được cấp văn bằng, chứng chỉ: 2.428 người

+ Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo (%): $2428/3722*100\% = 65,23\%$

Kinh phí thực hiện: khoảng 500.000.000 đồng từ nguồn ngân sách của tỉnh.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 12 với 02 chỉ tiêu thành phần.

2.13. Tiêu chí 13 về Hình thức tổ chức sản xuất

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chỉ tiêu 13.1. Tỷ lệ hợp tác xã hoạt động có hiệu quả đạt 100% ($\geq 80\%$).

Chỉ tiêu 13.2. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh tham gia HTX, THT, CLB. ($\geq 50\%$)

Chỉ tiêu 13.3. Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch,... của địa phương (Đạt)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình triển khai thực hiện:

Xác định nhiệm vụ giải quyết việc làm, đào tạo nghề là nhiệm vụ chính trị, có ý nghĩa đào tạo và dạy nghề cho lao động nông thôn có kỹ năng ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nhu cầu chuyển đổi ngành nghề sang lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Nhằm nâng cao chất lượng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nâng cao của tỉnh Đồng Nai, đào tạo, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo trong chương trình phát triển kinh tế, xã hội, góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

Nội dung đã thực hiện:

Tuyên truyền và hướng dẫn, vận động nhân dân tham gia các tổ hợp tác và Câu lạc bộ trên địa bàn của xã.

UBND xã đã chỉ đạo cán bộ chuyên môn phối hợp với UBMTTQ, các đoàn thể và các ấp làm tốt công tác tuyên truyền tới từng địa bàn ấp về nội dung, chính sách đào tạo nghề lao động nông thôn; Chỉ đạo Ban ấp điều tra, khảo sát lao động trong độ tuổi có nhu cầu tham gia học nghề hoặc chưa qua đào tạo nghề để thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu rõ về chủ trương đào tạo nghề, thu hút đầu tư, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn của xã. Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp nông thôn chuyển sang lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng phát triển bền vững.

Năm 2017, xã đã vận động CLB cây có múi thành lập Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thương mại dịch vụ Bình Minh được thành lập với 14 thành viên, đồng thời phát triển thêm 11 tổ hợp tác phát triển cây Xoài, Bưởi da xanh và chăn nuôi heo với 814 thành viên.

Khối lượng thực hiện:

+ Chỉ tiêu 13.1: Năm 2011 Hợp tác Nông nghiệp thương mại du lịch Xoài Phú Lý được thành lập với 20 thành viên, với chức năng kinh doanh sản xuất Xoài. Đến năm 2017 Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thương mại dịch vụ Bình Minh được thành lập với 14 thành viên. Từ khi thành lập đến nay, hoạt động của các HTX,

THT trên địa bàn xã đã có những chuyển biến tích cực. Đạt được những kết quả như: Tạo sự tin tưởng loại hình kinh tế tập thể, mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực cho người dân tham gia HTX, THT, góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình và giảm nghèo ở địa phương.

Các HTX ngày càng phát triển đi lên như: Số lượng xã viên, tổ viên tăng, quy mô sản xuất ngày càng được mở rộng, hàng hóa sản xuất được tiêu thụ ổn định. Đẩy mạnh sản xuất và lưu thông hàng hóa, giúp các thành viên cũng như người lao động tăng thêm thu nhập, nâng cao chất lượng đời sống, làm cho nhận thức của người dân về kinh tế HTX, THT được nâng lên, từng bước biết chủ động tìm cách cải thiện đời sống, giảm bớt tình trạng trông chờ, ỷ lại vào sự trợ cấp của Nhà nước; tận dụng các lợi thế của địa phương nâng cao hiệu quả các nguồn lực (đất đai, nguyên liệu, vốn, lao động,...) ở địa phương.

+ Chi tiêu 13.2: Tỷ lệ hộ sản xuất kinh doanh tham gia HTX, THT, CLB là tỷ lệ phần trăm giữa hộ sản xuất kinh doanh tham gia HTX, THT, CLB trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn xã so với tổng số hộ sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn xã. Trong đó:

Số hộ sản xuất kinh doanh tham gia HTX, THT, CLB trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn xã: 853 hộ. Cụ thể:

Hợp tác Nông nghiệp thương mại du lịch Xoài Phú Lý: 25 thành viên

Hợp tác Nông nghiệp thương mại dịch vụ Bình Minh: 14 thành viên

Tổ hợp tác thanh niên phát triển cây trồng chủ lực: 16 thành viên

Tổ hợp tác phát triển chăn nuôi heo: 104 thành viên

Tổ hợp tác phát triển cây xoài áp 3: 56 thành viên

Tổ hợp tác phát triển Bưởi da xanh: 82 thành viên

Tổ hợp tác phát triển cây Xoài áp 1: 65 thành viên

Tổ hợp tác phát triển cây Xoài áp 2: 106 thành viên

Tổ hợp tác phát triển cây Xoài áp 4: 118 thành viên

Tổ hợp tác phát triển cây Xoài áp Bà Phụng: 34 thành viên

Tổ hợp tác phát triển cây Xoài áp Bình Chánh: 47 thành viên

Tổ hợp tác phát triển cây Xoài áp Cây Cây: 97 thành viên

Tổ hợp tác phát triển cây Xoài áp Lý Lịch 2: 89 thành viên.

Số hộ sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn xã: 1.576 hộ

Tỷ lệ hộ sản xuất kinh doanh tham gia HTX, THT, CLB: $853/1576 * 100\% = 54,12\%$

+ Chỉ tiêu 13.3: THT cây có múi có kí kết hợp đồng tiêu thụ hàng hóa đối với sản phẩm nông nghiệp chủ lực cây có múi đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm với công ty Bất động sản Thống Nhất, với diện tích cây có múi ký hợp đồng là 110 ha chiếm 73,33% diện tích cây có múi toàn xã. Sản lượng tiêu thụ từ khi ký kết hợp đồng đến nay khoảng 1.800 tấn, bình quân 150 tấn/tháng.

Số hộ tham gia hợp đồng là 34 hộ, tỷ lệ 100%

Các cơ sở sản xuất tham gia hợp đồng tiêu thụ thực hiện đầy đủ cam kết sản xuất, kinh doanh an toàn vệ sinh thực phẩm.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 13 với 03 chỉ tiêu thành phần.

2.14. Tiêu chí 14 về Giáo dục

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chỉ tiêu 14.1. Tỷ lệ trẻ vào mẫu giáo. (100%)

Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ huy động trẻ (từ 12 đến 36 tháng tuổi) vào nhà trẻ ($\geq 50\%$)

Chỉ tiêu 14.3. Xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình triển khai thực hiện:

Trong những năm qua công tác phổ cập giáo dục – xóa mù chữ luôn được Đảng ủy – UBND xã quan tâm và chỉ đạo triển khai thực hiện. Chất lượng và quy mô giáo dục ngày càng phát triển, số học sinh đạt khá, giỏi và hạnh kiểm tốt hàng năm đều tăng. Thực hiện tốt chính sách ưu tiên cho các đối tượng học sinh là con em gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ khó khăn.

Nội dung đã thực hiện:

Thực hiện thống kê lại số trẻ trên địa bàn xã, lập danh sách các trẻ đang học tại các trường trên địa bàn xã, các trường ngoài xã.

Trong giai đoạn 2016 – 2019, Hội khuyến học xã đã vận động được 212.000.000 đồng để hỗ trợ xe đạp, học bổng và sách vở cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn. Ngoài ra, các trường còn có các mô hình để huy động đóng góp của các mạnh thường quân để hỗ trợ chi phí học tập, dụng cụ học tập cho trẻ em nghèo, khó khăn của trường. Nổi bật nhất là trường Tiểu học Bàu Phụng còn có mô hình “Hũ gạo tình thương” đã huy động khoảng 3,5 tấn gạo/năm hỗ trợ cho 40 em, với tổng kinh phí khoảng 154.000.000 đồng; trường Mầm non Phú Lý có

mô hình “Phong trào nuôi heo đất” để tiếp sức cho trẻ em nghèo, khó khăn... với tổng số tiền gần 100.000.000 đồng.

Thực hiện thống kê tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).

Giữ vững phổ cập giáo dục THCS, xây dựng kế hoạch hàng năm tổ chức vận động học sinh ra lớp đúng độ tuổi, xóa mù chữ.

UBND xã đã thống kê tỷ lệ trẻ vào mẫu giáo; thống kê tỷ lệ trẻ vào nhà trẻ và thống kê tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).

Khối lượng thực hiện:

Tỷ lệ trẻ vào mẫu giáo (3 tuổi - 5 tuổi) có 494/494 cháu đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ (12 tháng – 36 tháng) vào nhà trẻ: 145/286 cháu đạt 50,69%.

Xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục – xóa mù chữ năm 2018 theo Quyết định số 7141/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu.

Kinh phí đã thực hiện: 466.000.000 đồng từ nguồn vận động.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí

So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 14 với 03 chỉ tiêu thành phần.

2.15. Chỉ tiêu 15 về Y tế

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế ($\geq 90\%$)

Chỉ tiêu 15.2. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên khu vực nông thôn ($< 1\%$)

Chỉ tiêu 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ($< 12\%$)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Để nâng cao hiệu quả việc tuyên truyền cho người dân tham gia bảo hiểm y tế. UBND xã phối hợp với 09 ban ấp để tuyên truyền và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế năm 2018 và những năm tiếp theo trên địa bàn xã.

Trạm y tế phối hợp với y tế cộng đồng tổ chức tuyên truyền về kế hoạch hóa gia đình, tổ chức thực hiện tiêm phòng định kỳ cho trẻ từ 0-6 tuổi, cho phụ nữ có thai và độ tuổi sinh đẻ, hướng dẫn các bà mẹ về dinh dưỡng cho trẻ.

UBND xã đã triển khai thực hiện việc thống kê rà soát số người dân tham gia bảo hiểm y tế.

UBND xã đã thành lập 09 đại lý bán BHYT cho người dân trên địa bàn xã.

Khối lượng thực hiện:

+ Chỉ tiêu 15.1: số người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ 91% (9.939/11.018)

+ Chỉ tiêu 15.2: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt tỷ lệ 0,97% (160-59/11.018)

+ Chỉ tiêu 15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD thể thấp còi đạt tỷ lệ 8,79% (73/830)

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 15 với 03 chỉ tiêu thành phần.

2.16. Tiêu chí 16 về Văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chỉ tiêu 16.1. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định (Đạt)

Chỉ tiêu 16.2. Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn áp văn hóa theo quy định của Bộ VH - TT - DL (100%)

Chỉ tiêu 16.3. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa ($\geq 99\%$)

Chỉ tiêu 16.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã vi phạm quy định pháp luật mà không được xử lý kịp thời (Đạt)

Chỉ tiêu 16.5. Tỷ lệ áp xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước của cộng đồng ($\geq 100\%$)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”: Vận động nhân dân thực hiện tốt quy ước ấp văn hóa, trong đó chú trọng xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, xây dựng Gia đình Văn hóa, xây dựng gương người tốt việc tốt, vận động nhân dân tham gia xây dựng NTM nâng cao.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa thông tin nhằm uốn nắn kịp thời những sai sót như hoạt động của các điểm internet, đi vào nề nếp, chấp hành tốt pháp luật quy định.

Hàng năm tổ chức tốt ngày “Đại đoàn kết toàn dân tộc” nhằm ôn lại truyền thống vẻ vang của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam nay là MTTQ Việt Nam, đề ra phương hướng nhiệm vụ của năm tiếp theo, tuyên dương các gia đình văn hóa tiêu biểu.

UBND xã đã chỉ đạo cho ban ấp và nhân dân trên địa bàn các ấp thực hiện tốt quy ước ấp văn hóa. Đồng thời, thường xuyên tổ chức kiểm tra các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa như: Bida, internet, karaoke...nhằm thực hiện tốt quy ước văn hóa đã đề ra.

Khối lượng thực hiện:

+ Đối với chỉ tiêu 16.1: Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định.

Xã đã được công nhận danh hiệu “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” theo Quyết định số: 4640/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND huyện Vĩnh Cửu.

+ Đối với chỉ tiêu 16.2: Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL.

Quyết định 6899/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 UBND huyện Vĩnh Cửu công nhận 9/9 ấp đạt chuẩn VH năm 2018

+ Đối với chỉ tiêu 16.3: Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định được công nhận.

Năm 2018 UBND xã ban hành Quyết định số 366/QĐ-UBND công nhận 2850/2882 hộ gia đình đạt GĐVH = 99%.

+ Đối với chỉ tiêu 16.4: Hiện nay trên địa bàn không có cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ văn hóa vi phạm quy định của pháp luật.

Năm 2019 đội kiểm tra 814 Huyện, tổ kiểm tra LN 814 xã tiến hành kiểm tra các cơ sở kinh doanh trên địa bàn cụ thể: Karaoke: 03 cuộc, 6 cơ sở. Iternet: 03 cuộc; 5 cơ sở, 15 lượt. Cafe: 04 cuộc 6 cơ sở. Photocopy: 02 cuộc 4 cơ sở. Nhà nghỉ 03 cuộc 06 cơ sở. Qua kiểm tra không có trường hợp nào vi phạm pháp luật.

+ Đối với chỉ tiêu 16.5: Trên địa bàn xã hiện nay 09/09 ấp (100%) đã xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước của cộng đồng (*có hương ước, quy ước từng ấp cụ thể*).

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 16 với 05 chỉ tiêu thành phần.

2.17. Tiêu chí 17 về Môi trường

a. Yêu cầu củ tiêu chí:

Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định (Năm 2018: $\geq 75\%$).

Chỉ tiêu 17.2. Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý theo quy định (Đạt)

Chỉ tiêu 17.3. Tỷ lệ chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (Chỉ $\geq 97\%$)

Chỉ tiêu 17.4. Xã có tổ chức tự quản về môi trường (Đạt)

Chỉ tiêu 17.5. Tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người. (100%)

Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở “xanh - sạch - đẹp” ($\geq 90\%$)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình triển khai thực hiện:

Hàng năm UBND xã đã ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo về công tác bảo vệ môi trường, phát động ra quân dọn vệ sinh, thu gom xử lý rác thải tại khu dân cư. Đồng thời tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi trên địa bàn về công tác xử lý chất thải.

Nội dung đã thực hiện:

Hàng năm, UBND xã có kế hoạch vận động các hộ chăn nuôi xây dựng hầm Biogas để xử lý môi trường trong chăn nuôi và vận động các hộ chăn nuôi vào khu chăn nuôi tập trung; ban hành kế hoạch và tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường vào các ngày thứ 7 trong tháng nhằm khơi thông cống rãnh, thu gom rác thải làm cho môi trường khu dân cư ngày một tốt hơn; xây dựng kế hoạch hưởng ứng ngày nước thế giới 22/3 và ngày khí tượng thế giới 23/3, tuần lễ Đồng Nai xanh và ngày môi trường thế giới.

Tổ chức triển khai bố trí điểm đặt bể chứa bao bì, vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn 09 ấp với 32 bi đựng rác.

Xã thành lập tổ kiểm tra về giữ gìn vệ sinh môi trường, lập biên bản các hộ vi phạm xử lý hành chính, nhắc nhở để môi trường sống tại xã ngày một tốt hơn.

Khối lượng thực hiện:

Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, nước sạch đạt 82,68% (2407/2911) hộ.

Trên địa bàn có 06 cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi, đối tượng phải lập thủ tục môi trường (theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2014 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược và kế hoạch bảo vệ môi trường thì phải thực hiện lập thủ tục môi trường theo quy định).

Đối với công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã, UBND xã Phú Lý thành lập tổ thu gom rác thải sinh hoạt theo quyết định số 17A/QĐ-UBND ngày 13/02/2015, các tổ thường xuyên mỗi ngày thu gom rác thải sinh hoạt từ các hộ dân ra điểm tập kết rác. Từ các điểm tập kết rác trên địa bàn xã, phòng TNMT huyện hợp đồng với công ty Sonadezi thu gom, vận chuyển về nơi xử lý.

Trên cơ sở Kế hoạch liên tịch số 517/KHLT.UBND-HND ngày 06/6/2016 và kế hoạch số 1689/KHTL.UBND-HND ngày 31/5/2018 của UBND, hội nông dân huyện Vĩnh Cửu. UBND xã phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường và công ty TNHH Thanh Tùng 2 thực hiện thu gom bao bì, chai lọ của thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng đưa về công ty TNHH Thanh Tùng 2 xử lý theo đúng quy định.

Hệ thống thu gom nước mưa, nước thải sinh hoạt: chỉ có ở trục đường ĐT 761, dọc các tuyến đường khác chưa có hệ thống thoát nước mưa, một số đường có mương, rãnh thoát nước và chủ yếu chảy tràn dọc theo các tuyến đường, theo địa hình tự nhiên sau đó đổ ra suối... Nước thải phát sinh từ các chuồng trại chăn nuôi chủ yếu được thu gom và xử lý theo quy định qua hệ thống bioga và xả nước xuống ao nuôi cá.

Hiện nay trên địa bàn xã có 63 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ có phát sinh nước thải và chất thải được xử lý bằng hầm Biogas và hố ủ phân đạt 98,4%, còn 01 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chiếm tỷ lệ 1,6% ;

Nước thải phát sinh được thu gom và xử lý tại các hầm biogas, ao lắng, hầm ủ có mái che. Không có hộ chăn nuôi nào xả chất thải chảy tràn trên bề mặt, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Trong quá trình chăn nuôi không có hộ chăn nuôi nào xảy ra khiếu kiện, tố cáo vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường. Các hộ đều có cam kết bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

Qua điều tra 2019 trên địa bàn xã có 2911 hộ/2911 hộ, đạt 100% có nhà tiêu hợp vệ sinh, các hố xí được xây dựng đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người.

Trên địa bàn xã Phú Lý có 9 ấp với tổng số hộ dân là 2911 hộ, xã có thành lập tổ tự quản về môi trường ở 9 ấp và có phân công trách nhiệm cho các thành viên của tổ. Các ấp có quy ước về việc giữ gìn vệ sinh môi trường chung. Ngoài ra xã cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường vào các ngày cuối tuần, các ngày lễ, vận động nông dân cùng tham gia dọn dẹp phát quang bụi rậm, trồng cây xanh, vét các tuyến mương thoát nước,... có 2.645 hộ đảm bảo cảnh quan nơi ở Xanh – Sạch – Đẹp đạt tỷ lệ 90,86%.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 17 với 06 chỉ tiêu thành phần.

2.18. Tiêu chí 18 về Hệ thống tổ chức chính trị

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chỉ tiêu 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định của tỉnh (Đạt)

Chỉ tiêu 18.2. Xã có bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới (Đạt)

Chi tiêu 18.3. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đạt danh hiệu vững mạnh (Đạt)

Chi tiêu 18.4. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã ($\geq 90\%$)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tình hình triển khai thực hiện

Tạo mọi điều kiện để cán bộ công chức chuyên trách tham gia các lớp học đào tạo chuyên môn nghiệp vụ chính trị để đạt chuẩn theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 6/11/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Đảng ủy luôn quan tâm đến công tác cán bộ và hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, góp phần tập hợp quần chúng nhân dân vào tổ chức để thực thi tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hăng hái tham gia các phong trào thi đua yêu nước do cấp trên và địa phương phát động.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động, Đảng ủy đã lãnh đạo củng cố hệ thống Chính quyền đầy đủ các chức danh quản lý, giám sát và cơ chế điều hành để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh và giải quyết thủ tục hành chính cho dân.

Nội dung đã thực hiện:

UBND xã đã bố trí cán bộ chuyên trách xây dựng NTM và cử đi học đầy đủ các lớp tập huấn do tỉnh, huyện tổ chức.

Xã bố trí một phòng một cửa rộng 40m² trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in, photocopy, máy lạnh. ... để phục vụ nhu cầu hành chính của nhân dân, cán bộ tại phòng một cửa đã làm tốt công tác tiếp công dân và giải quyết kịp thời, đúng hẹn các thủ tục hành chính cho dân, tạo cho người dân tin tưởng vào Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, UBND xã còn phân công Chủ tịch, Phó chủ tịch trực cùng cán bộ một cửa để trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính cho dân.

Khối lượng đã thực hiện:

* Chi tiêu 18.1: UBND xã đã tổ chức rà soát, cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị đối với cán bộ, công chức xã. Hiện nay, cán bộ công chức của xã hầu hết đều đạt chuẩn theo quy định. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai. Cụ thể như sau:

- Cán bộ chuyên trách có: 11 người.

+ Trình độ học vấn: 09/11 người (đạt trình độ 12/12); 02/11 người (đạt trình độ 7/10 và 9/12)

+ Trình độ chuyên môn: 09/11 người trình độ đại học; 01/11 cao đẳng; 01/11 trung cấp;

- + Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị 01 người, trung cấp 10 đồng chí;
- + Quản lý nhà nước: 10/11 người (01 người đang học)
- Cán bộ công chức có : 11 người
- + Trình độ học vấn: 11/11 người (đạt trình độ 12/12);
- + Trình độ chuyên môn: 08 người trình độ đại học; 03 người trình độ cao đẳng;

- + Trình độ chính trị: 09/11 người trung cấp chính trị; 02/11 người đang học trung cấp

- + Quản lý nhà nước: 10/11 đồng chí (01 người đang học).

- * Chỉ tiêu 18.2: Xã có bố trí cán bộ công chức chuyên trách nông thôn mới: Xã đã bố trí 01 công chức Địa chính – Nông nghiệp – xây dựng – môi trường thực hiện nhiệm vụ về chuyên trách nông thôn mới.

- * Chỉ tiêu 18.3: Các tổ chức Đoàn thể chính trị hàng năm đều đạt vững mạnh: Hội Nông dân, hội Phụ Nữ, hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh Niên, MTTQ xã, Công đoàn cơ sở. Hàng năm các tổ chức Đoàn thể chính trị đều đạt vững mạnh và 14/14 chi bộ trực thuộc Đảng ủy đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- * Chỉ tiêu 18.4: Kết quả khảo sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã thực hiện để đánh giá sự hài lòng của đồng chí dân về giải quyết thủ tục hành chính đạt kết quả như sau: Đạt tỷ lệ 99,86%, trong đó:

- Rất hài lòng: 45,14% (835/1850) phiếu;

- Hài lòng: 54,64% (1011/1850) phiếu.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 18 với 04 chỉ tiêu thành phần.

2.19. Tiêu chí số 19 về An ninh - quốc phòng

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Chỉ tiêu 19.1. An ninh trật tự xã hội được giữ vững; xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự (Đạt)

Chỉ tiêu 19.2. Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng (Đạt)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm Đảng ủy ban hành nghị quyết chuyên đề về công tác bảo đảm an ninh trật tự và phòng chống các loại tội phạm làm cơ sở cho các Chi bộ, các đơn vị, các ban ấp, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể thực hiện. Theo đó, Công an xã tham mưu BCĐ PC AIDS, TP&TNXH xã xây dựng các kế hoạch cụ thể phân công trách

nhiệm các thành viên BCD trong việc thực hiện. Đồng thời, chủ động phối hợp với UBMTTQ xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tập trung vào công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia phòng chống tội phạm và tham gia quản lý giáo dục, giúp đỡ đồng chí vi phạm pháp luật tại gia đình, cộng đồng dân cư.

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng công an xã, áp nhằm quản lý địa bàn, quản lý các đối tượng, đổi mới biện pháp quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nội dung đã thực hiện:

Củng cố hoạt động của 100 tổ nhân dân trên địa bàn các ấp.

Tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân đạt kế hoạch đề ra hàng năm, xây dựng lực lượng dân phòng, thanh niên xung kích tại các ấp nhằm tổ chức tuần tra giữ vững an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội.

Thực hiện công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: các buổi học tập Nghị quyết, hội họp, giao ban, sinh hoạt tổ Nhân dân, sinh hoạt tổ Tự quản, tổ chức họp dân... thông báo về tình hình ANTT của huyện, xã, cùng các phương thức hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, các biện pháp phòng ngừa.

Xã đã mời cơ quan tư vấn pháp luật và Công an tỉnh về phổ biến giáo dục pháp luật và công tác phòng chống tội phạm cho đồng bào dân tộc thiểu số với số lượng 162 đồng chí tham dự.

Lực lượng Công an xã đã tích cực, chủ động triển khai nhiều giải pháp đảm bảo tốt ANTT tại địa phương, thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng Công an xã trong sạch, vững mạnh làm nòng cốt trong công tác đảm bảo ANTT.

Khối lượng đã thực hiện:

+ Chỉ tiêu 19.1: An ninh trật tự xã hội được giữ vững; Xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc, có mô hình phòng, chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự:

Yêu cầu 1.

Tổ chức thực hiện các chủ trương, biện pháp bảo vệ ANTT địa bàn xã. Công an xã đã xây dựng các kế hoạch chuyên đề trên từng vùng lãnh vực ANTT. Công an xã đã tham mưu cho Đảng ủy có Nghị quyết số: 127-NQ/ĐU ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Đảng ủy xã về lãnh đạo công tác đảm bảo ANCT, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã năm 2019; Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2019 của UBND xã triển khai thực hiện công tác đảm bảo ANCT, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội

phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã năm 2019; Kế hoạch số 25/KH-CAX ngày 08/3/2019 về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2019. Tham mưu cho ban chỉ đạo phòng chống TP – AIDS & TNXH xã xây dựng kế hoạch phân công các thành viên phối hợp thực hiện nhiệm vụ trong cao điểm tết và các ngày lễ trong năm 2018, năm 2019.

** Kết quả xây dựng các lực lượng quần chúng làm công tác giữ gìn ANTT:*

Hiện nay trên địa bàn xã có:

- + 01 CLB Phụ nữ Phòng chống tội phạm ma túy gồm 50 thành viên.
- + 24 tổ liên gia tự quản về ANTT với 294 thành viên luôn tự giác tham gia vào việc giữ gìn ANTT, bảo vệ xóm ấp, tích cực phòng chống tố giác các loại tội phạm
- + Mô hình camera an ninh tại 9 điểm 28 mắt và vận nhiều hộ gia đình lắp camera để tự bảo vệ.

Về yêu cầu này: **Đạt**

Yêu cầu 2.

Trong năm 2018 và 08 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn xã không xảy ra khiếu kiện đông đông chí kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật như: Lôi kéo, tụ tập nhiều đông chí đến các cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật, môi trường hay quản lý đất đai, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; các vụ việc này đã được giải quyết đúng chính sách, pháp luật nhưng vẫn tụ tập khiếu kiện đông đông chí, khiếu kiện không đúng thẩm quyền, vượt cấp trái pháp luật hoặc chưa giải quyết theo đúng quy định về thời hạn khiếu nại, tố cáo.

Về yêu cầu này: **Đạt.**

Yêu cầu 3.

Không để xảy ra trọng án trên địa bàn: không để xảy ra vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các điều 93, 95, 96; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các điều 104 (khoản 4), 111 (khoản 3), 112 (khoản 2, 3, 4), 113 (khoản 3), 114 (khoản 3, 4), 133 (khoản 3, 4), 135 (khoản 4) của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Về yêu cầu này: **Đạt.**

Yêu cầu 4.

Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút...) và các vi phạm pháp luật được kiểm chế:

- **Phạm pháp hình sự:** xảy ra 4 vụ (Giảm 04 vụ so với năm 2018, giảm 03 vụ so với năm 2017).

- **TNXH:** Hiện nay trên địa bàn quản lý 13 đối tượng (tăng 05 đối tượng so với năm 2017, giảm 06 đối tượng so với năm 2018).

- Qua rà soát trên địa bàn xã không có băng nhóm xã hội đen, tội phạm có tổ chức.

Về yêu cầu này: **Đạt.**

Yêu cầu 5.

Xã Phú Lý không thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự.

Về yêu cầu này: **Đạt.**

Yêu cầu 6.

Trong năm 2018 xã Phú Lý được UBND huyện công nhận xã đạt tiêu chuẩn An về ANTT theo quy định tại Thông tư số 23/2012/TT- BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn An toàn về an ninh, trật tự.

Năm 2017, 2018 có 09/09 ấp (100%) đều được UBND xã công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT.

Năm 2017, 2018 có quyết định công nhận xã đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự của UBND huyện Vĩnh Cửu.

Năm 2019 UBND xã Phú Lý có bản đăng ký phần đầu xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về An ninh trật tự”. Toàn thể cán bộ, đảng viên đều có bản đăng ký thực hiện bản đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về An ninh trật tự”.

Có 09/09 ấp có bản đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về An ninh trật tự” năm 2019.

Triển khai đến các hộ dân thực hiện đăng ký cam kết giao ước thi đua xây dựng ấp đạt tiêu chuẩn “An toàn về An ninh trật tự” năm 2019.

Về yêu cầu này: **Đạt.**

Yêu cầu 7.

Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố ngày càng trong sạch vững mạnh theo quy định của Pháp lệnh Công an xã và hướng dẫn của ngành Công an.

Năm 2017, 2018 công an xã đều được UBND huyện quyết định công nhận đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến.

Năm 2019 Công an xã hoàn thành nhiệm vụ, chưa có cán bộ chiến sĩ vi phạm kỷ luật.

Về yêu cầu này: **Đạt.**

+ Chỉ tiêu 19.2 Về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng:

Ban hành đầy đủ, có chất lượng các văn bản về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng địa phương hàng năm theo Quy định số 50/QĐ ngày 30/01/2018. Hoàn thành chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức QPAN, giáo dục QPAN cho các đối tượng ở địa phương đạt 95% trở lên.

- Xây dựng lực lượng Dân quân theo chỉ tiêu trên giao 182/182 đạt 100%, tỷ lệ Đảng viên trong lực lượng Dân quân 46/182 đạt 25,27%. Đoàn viên: 80 đ/c đạt 43,27%; 09/09 Áp đội trưởng là đảng viên đạt 100%.

- Công tác biên chế lực lượng quân nhân dự bị đạt 98% vào các đơn vị dự bị động viên. Tổng số QNDB: 259 đ/c (SQ. Đã sắp xếp 04 đầu mỗi đơn vị: Đảng viên 36 đ/c, đạt 13,89%, đoàn viên 113 đ/c, đạt 43,62% so với tổng lực lượng DBĐV)

- Chi bộ quân sự có Chi ủy, trong đó trung đội Dân quân cơ động có tổ đảng; Chi bộ quân sự hàng năm được công nhận là chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu. Chi đoàn quân sự hàng năm đạt vững mạnh xuất sắc, tỷ lệ đoàn viên trong Dân quân đạt 40,22 %. BCH quân sự xã đều được qua đào tạo chuyên ngành theo quy định. Hiện nay Chỉ huy trưởng đã qua đào tạo cao đẳng quân sự, là Đảng ủy viên và thành viên ủy ban nhân dân xã. 02 Chỉ huy phó đã qua đào tạo trung cấp chuyên nghiệp quân sự.

- Đảng bộ xã Phú Lý được Huyện ủy tặng giấy khen đã có thành tích tốt trong công tác cử đảng viên nhập ngũ giai đoạn 2013-2017 (số QĐ 293-QĐ/HU ngày 14/8/2017)

- Ban CHQS xã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2018 được UBND huyện tặng giấy khen Ban CHQS xã thực hiện tốt phong trào thi đua quyết thắng năm 2018. UBND xã khen thưởng Ban CHQS xã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2018 đạt đơn vị vững mạnh toàn diện năm 2018.

- Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho dân quân. Quân số tham gia huấn luyện đạt 100%, kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu trong đó có 76% đạt khá, giỏi. Đảm bảo tuyệt đối an toàn về đồng chí và vũ khí trang bị. Điều động Quân nhân dự bị tham gia tập huấn, huấn luyện đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

- Ban CHQS xã phối hợp với các ban ngành đoàn thể tham mưu Đảng ủy – UBND nhân xã nhất là Hội đồng Nghĩa vụ quân sự xã trong công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hàng năm. Thực hiện theo đúng quy định hướng dẫn của trên. Kết quả giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Trong các đợt giao quân đến nay không có quân nhân đào, bỏ ngũ.

- Ban CHQS xã được chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen 10 năm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng địa phương. (Số 3528/QĐ-UBND ngày 29/8/2019).

- Quản lý tốt đảng viên xuất ngũ và giới thiệu việc làm. Không có tình trạng quân nhân xuất ngũ là đảng viên xin ra khỏi đảng.

- Luôn thực hiện tốt công tác phối hợp bảo vệ ANCT-TTATXH và Phòng chống thiên tai – Tìm kiếm cứu nạn, sẵn sàng lực lượng và phương tiện tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, cứu sập.

- Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sỹ. Cán bộ chiến sỹ dân quân và QNDB có bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Tình hình chính trị nội bộ ổn định, thực hiện tốt hoạt động nền nếp theo tuần, duy trì nghiêm lễ tiết tác phong của lực lượng Dân quân. Duy trì nghiêm kỷ luật, quy định của đơn vị không để xảy ra kỷ luật phải xử lý.

- Công tác Hậu cần, kỹ thuật: Trụ sở đã được xây dựng mới vào năm 2013 đảm bảo tiện nghi làm việc, nơi ăn nghỉ, phương tiện sinh hoạt, bảo đảm chăm sóc cảnh quan xanh sạch đẹp. Đảm bảo trang phục dân quân đúng, đủ tiêu chuẩn theo chế độ chính sách cho lực lượng dân quân. Tham mưu Đảng ủy – UBND xã mua chăn, mùng, chiếu, gôỉ thống nhất theo quy định và tổ chức tăng gia sản xuất đảm bảo đời sống cho cán bộ chiến sỹ. Công tác quản lý, sử dụng vũ khí trang bị, công cụ hỗ trợ theo quy định cho lực lượng dân quân làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phòng chống biểu tình, bạo loạn, phòng chống cháy nổ được cấp ủy – Chính quyền quan tâm đầy đủ, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: So với yêu cầu quy định trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh Đồng Nai, qua nội dung thực hiện như trên, kết quả xã đạt tiêu chí 19 với 02 chỉ tiêu thành phần.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

Trong giai đoạn 2016-2019 xã Phú Lý đã triển khai xây dựng hạ tầng, phát triển sản xuất, chỉnh trang nhà cửa khu dân cư... với tổng kinh phí thực hiện: 169.107.788.957 đồng; trong đó:

Trong đó:

- Ngân sách Tỉnh: 41.697.000.000 đồng, chiếm 24,66%;

- Ngân sách Huyện: 60.575.070.957 đồng, chiếm 35,82%;

- Ngân sách xã: 164.500.000 đồng, chiếm 0,10% ;

- Nhân dân và DN đóng góp: 66.671.218.000 đồng, chiếm 39,43% (bao gồm tiền mặt: 9.421.000.000 đồng, còn lại 57.250.218.000 đồng do nhân dân đóng góp

bằng ngày công lao động, đầu tư phát triển sản xuất và các mạnh thường quân, doanh nghiệp đóng góp bằng công trình, vật tư).

Tất cả các công trình đã bố trí trong kế hoạch hàng năm và triển khai thực hiện đều được UBND xã bố trí vốn đầy đủ trong thời gian quy định để thanh toán khối lượng thực hiện. Hiện tại địa phương không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

UBND xã Phú Lý đã lập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016 – 2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Phú Lý đã được UBND huyện Vĩnh Cửu thẩm tra, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%. Số người biểu quyết: thành viên. Đạt tỷ lệ %.

- Các mặt Kinh tế, Văn hóa xã hội, Quốc phòng an ninh đều được tập trung triển khai thực hiện đồng bộ với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị xã nhà. Bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới rõ nét, nhiều công trình mới được đầu tư xây dựng, điện đường trường trạm đạt chuẩn phục vụ tốt nhu cầu dân sinh.

- Nhiều con đường ngõ xóm được nhựa hóa, bê tông hóa và tu sửa đảm bảo phục vụ nhu cầu đi lại và sản xuất. Rác thải sinh hoạt được thu gom, khắc phục tình trạng vứt rác bừa bãi, môi trường cảnh quang sạch đẹp.

- Việc làm ổn định, tay nghề tương đối tốt nên đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên cả về vật chất lẫn tinh thần, thu nhập bình quân đầu người hiện nay đạt 61.150.000 đồng/người/năm, giá trị thu hoạch bình quân trên 01ha trồng trọt của xã đạt 150.500.000 đồng/ha. Hiện xã chỉ còn 11 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 0,38% trên tổng số hộ toàn xã, các đối tượng luôn được hỗ trợ thường xuyên và quan tâm chăm sóc.

- Các trường học trên địa bàn đều đạt chuẩn Quốc gia. Hệ thống thông tin và truyền thông đảm bảo cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

- Hệ thống chính trị xã hội ngày càng được củng cố, xây dựng vững mạnh. Cán bộ công chức được nâng cao về trình độ chuyên môn và chính trị, Đảng bộ xã được công nhận “Trong sạch, vững mạnh”, các tổ chức đoàn thể được công nhận đạt danh hiệu tiên tiến trở lên. An ninh chính trị giữ vững, không có tổ chức cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện kéo dài. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, các tệ nạn cờ

bạc, số đề, trộm cắp, tai nạn giao thông từng bước được đẩy lùi. Trong năm, công an xã đạt danh hiệu tiên tiến, 100% số áp được công nhận đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

III. KIẾN NGHỊ

Qua kết quả thẩm tra 19 tiêu chí xây dựng nông thôn nâng cao của xã Phú Lý đã thực hiện. Đối chiếu với các quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016-2020. UBND huyện Vĩnh Cửu đề nghị xét công nhận xã Phú Lý đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm tra 19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phú Lý của Hội đồng thẩm tra huyện./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh Đồng Nai (báo cáo);
 - Sở Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
 - TT Huyện ủy (báo cáo);
 - CT, các PCT UBND huyện;
 - VP HĐND&UBND huyện;
 - Thành viên BCĐ huyện;
 - Phòng NN&PTNT huyện VC;
 - Văn phòng điều phối NTM;
 - Lưu: VT
- D:/NTTrung/2019

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM TRA
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phạm Minh Phước**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
XÃ PHÚ LÝ, HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Báo cáo số 7/BC-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

(Theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao tỉnh Đồng Nai ban hành tại QĐ 1753 ngày 23/5/2018)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện	Kết quả thẩm tra của huyện
----	--------------	-------------------	----------------	-------------------	----------------------------

I. QUY HOẠCH

1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch xây dựng NTM; thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung công bố công quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Không có tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn (hoặc quy hoạch xây dựng NTM) mà không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm theo quy định.	Đạt	Đạt	

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%	100% (20,6/20,6)	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường trục ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	≥70% (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa)	87,8% (7,9/9)	
		2.3. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.	≥50% (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa)	62,7% (9,4/15,2)	
		2.4. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã. Đường trục thôn xóm đảm bảo "Sáng, xanh, sạch, đẹp"	100%	100% (24,6/24,6)	
		2.5. Tỷ lệ km đường ngõ xóm đảm bảo "Sáng, xanh, sạch, đẹp"	≥70%	87,8% (7,9/9)	
		2.6. Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông	Đạt	Đạt	
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất được tưới để sản xuất nông nghiệp vào mùa khô từ các nguồn (trừ trường hợp thiếu nguồn nước, kể cả nguồn nước ngầm)	≥ 85%	95,16% (1933/2031)ha	Đạt
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa.	100%	không đánh giá	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng được sử dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm so với tổng diện tích cây trồng cạn trên địa bàn xã	Năm 2018 ≥35%; Năm 2019 ≥40%; Năm 2020 ≥45%;	40,1% (935,3/2337,49)	

4	Điện	Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho khu sản xuất, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tập trung theo quy hoạch.	≥ 85%	100%	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia.	≥ 75%	75%	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Trung tâm văn hóa - thể thao học tập cộng đồng xã, Nhà văn hóa ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả.	100%	100%	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Chợ đạt chuẩn chợ văn hóa theo chuẩn của tỉnh và không có tụ điểm kinh doanh tự phát trên địa bàn.	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Đảm bảo cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Có hoạt động cung cấp thông tin khoa học công nghệ thông qua trang thông tin điện tử của địa phương đạt hiệu quả.	Đạt	Đạt	

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ xây dựng	≥ 99%	100% (2911/2911)	
10	Thu nhập và phát triển sản xuất	10.1. Thu nhập bình quân đầu người/năm	Năm 2018: ≥61 triệu	61,150	Đạt
			Năm 2019: ≥64 triệu		
			Năm 2020: ≥66 triệu		
		10.2 Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (theo giá thực tế).	Năm 2018: ≥150 triệu	150,5	
			Năm 2019: ≥160 triệu		
			Năm 2020: ≥170 triệu		
10.3 Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương.	>80%	94,85%			
10.4. Xã có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.	Đạt	Đạt			
10.5. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt	Đạt			

		10.6. Xã có ít nhất một nhãn hiệu được chứng nhận.	Đạt	Đạt	
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 theo chuẩn của tỉnh.	<1%	0,38%	Đạt
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	12.1. Tỷ lệ người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 95%	95,47% (7792/7739)	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo trên tổng số lao động có việc làm thường xuyên	≥ 65%	65,23%. (2428/3722)	
13	Hình thức tổ chức sản xuất	13.1. Tỷ lệ hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.	≥80%	100%	Đạt
		13.2. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh tham gia HTX, THT, CLB.	≥50%	54,12% (853/1576)	
		13.3. Thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch,... của địa phương.	Đạt	Đạt	
IV. VĂN HOÁ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục	14.1. Tỷ lệ trẻ vào mẫu giáo.	100%	100% (494/494)	Đạt
		14.2. Tỷ lệ huy động trẻ (từ 12 đến 36 tháng tuổi) vào nhà trẻ.	≥50%	50,69% (145/286)	
		14.3. Xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3.	Đạt	Đạt	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥90%	91% (9939/11018)	Đạt
		15.2. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên khu vực nông thôn.	<1%	0,97% (160-59)/11018	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	<12%	8,79% (73/830)	
16	Văn hóa	16.1. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		16.2. Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn áp văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	100%	100% (9/9) áp	
		16.3. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	≥99%	99%. (2850/2882)	
		16.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã vi phạm quy định pháp luật mà không được xử lý và khắc phục kịp thời.	Đạt	Đạt	
		16.5. Tỷ lệ áp dụng xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước của cộng đồng.	100%	100% (9/9) áp	
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định	≥70%	82,68% (2407/2911) hộ	Đạt
		17.2. Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	
		17.3. Tỷ lệ chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥97%	100% (63/63)hộ	
		17.4. Xã có tổ chức tự quản về môi trường	Đạt	Đạt	

		17.5. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người.	100%	100% (2911/2911)	
		17.6. Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở "xanh - sạch - đẹp"	≥90%	90,86% (2645/2911)	
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ					
18	Hệ thống tổ chức chính trị	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định của tỉnh	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Xã có bố trí công chức chuyên trách về xây dựng nông thôn mới.	Đạt	Đạt	
		18.3. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đạt danh hiệu vững mạnh.	Đạt	Đạt	
		18.4. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã	≥90%	Đạt	
19	An ninh - Quốc phòng	19.1. An ninh trật tự xã hội được giữ vững; Xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc, có mô hình phòng, chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự.	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng.	Đạt	Đạt	
	19 tiêu chí	53 chỉ tiêu	Đạt 19/19 Tiêu chí 53/53 Chỉ tiêu		

20